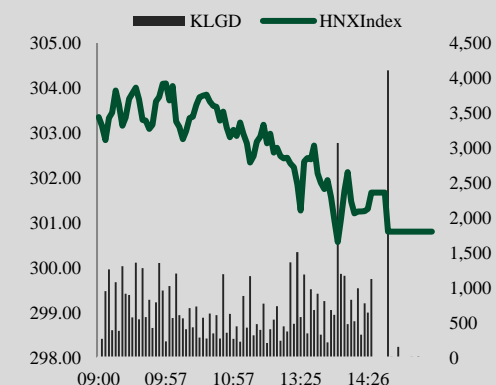
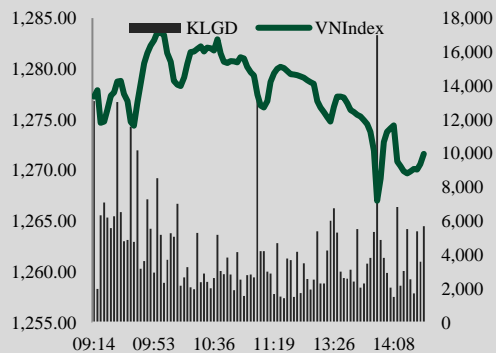


TIÊU ĐIỂM

VN-Index điều chỉnh giảm nhẹ sau phiên hồi phục tăng điểm khá mạnh hôm qua. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên liền trước cả về giá trị và khối lượng.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,270.79	300.80
Thay đổi	-0.20%	-0.10%
KLGD (cổ phiếu)	451,951,637	62,471,284
GTGD (tỷ VND)	16,003.38	1,424.68
Số cổ phiếu tăng giá	188	96
Số cổ phiếu đứng giá	64	63
Số cổ phiếu giảm giá	171	99

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,402.00	-3.00
VN30F2M	1,402.50	-4.30
VN30F1Q	1,395.00	-10.10
VN30F2Q	1,400.00	-1.40



RUNG LẮC TRONG PHIÊN, VN INDEX KẾT PHIÊN GIẢM NHẸ

- **VN-Index điều chỉnh giảm nhẹ sau phiên hồi phục tăng điểm khá mạnh hôm qua. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên liền trước cả về giá trị và khối lượng.**
- Các chỉ số chính vượt lên trên tham chiếu sau khi mở phiên. Tuy nhiên, nhịp tăng đầu phiên bị suy yếu khi áp lực chốt lời gia tăng trên một số cổ phiếu bluechips (VCB, VIC, HPG...) và theo đó, chỉ số VN – Index đảo chiều giảm gần 7 điểm khi kết thúc phiên sáng. Sang tới phiên chiều, một vài cổ phiếu large cap (VCB, VHM, BID...) ghi nhận mức giảm trên 3.00%, đã khiến đà giảm của chỉ số VN Index được nới rộng lên gần 8 điểm và đưa chỉ số này về sát mốc 1,265 điểm. Tuy nhiên lực cầu bắt đáy được kích hoạt khi chỉ số giảm sâu đã giúp VN Index hồi phục nhẹ khi kết phiên. Thanh khoản hôm nay giảm nhẹ so với phiên liền trước với tổng giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt khoảng gần 18,000 tỷ VND. Kết phiên, VN Index giảm 2.50 điểm (-0.20%) và đạt mức 1,270.79, trong khi HNX Index dừng tại mức 300.80 (-0.10%).
- Mặc dù VN – Index điều chỉnh giảm, tuy nhiên thanh khoản chưa có sự cải thiện đáng kể, cho thấy nhà đầu tư vẫn chưa thực sự có niềm tin vào thị trường và thực tế thì chỉ số vẫn đang dao động mang tính kỹ thuật trong vùng điểm số 1.250 - 1.300.

Khuyến nghị

- Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục theo dõi sự vận động của dòng tiền trong một số phiên tới cùng với bối cảnh chung của thị trường tài chính quốc tế để có thể kịp thời tận dụng cơ hội ngay khi mặt bằng giá trên thị trường ổn định với biên độ dao động trong phiên thu hẹp hơn, hoặc nếu thị trường xuất hiện thêm các phiên đảo chiều tăng điểm mới với thanh khoản bùng nổ.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q1.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **ADB giảm dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á do dịch Covid-19.** Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) giảm dự báo tăng trưởng kinh tế của khu vực châu Á trong năm nay xuống 7,2% so với mức 7,3% được đưa ra hồi tháng Tư do làn sóng lây nhiễm mới Covid-19 làm giảm quá trình phục hồi của một vài nền kinh tế. Dự báo tăng trưởng kinh tế cho khu vực Đông Nam Á cũng được điều chỉnh, giảm xuống 4% so với mức 4,4% do các đợt bùng phát dịch mới
- **VASEP: Xuất khẩu thủy sản sang EU nửa cuối năm khó duy trì tăng trưởng 20%.** VASEP dự báo nửa cuối năm, xuất khẩu thủy sản sang EU khó duy trì được tăng trưởng như nửa đầu năm do ảnh hưởng dịch Covid và thê vàng IUU.

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGƯỠNG CẮT LỖ	NGƯỠNG CHÓT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
NLG	09/07/2021	Đang nắm giữ	12/07/2021	36.00 – 37.00	38.15	34.30	43.05	4.52%	Cổ phiếu đã điều chỉnh giảm theo thị trường về vùng giá hỗ trợ gần nhất, đồng thời vẫn có triển vọng kinh doanh tích cực trong nửa cuối năm 2021

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH TẠI NGÀY KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B
ACB	31.10	36.70	33.80	8.68%	2.06	25.63	2.81	10.58	2.41
CTG	37.90	42.05	32.85	-13.32%	1.38	20.93	2.85	8.90	1.73
DGC	59.50	82.40	82.00	37.82%	17.97	24.68	4.99	13.97	3.14
DXG	23.85	28.20	20.60	-13.63%	-0.14	-0.47	-0.96	-	1.60
GMD	32.20	41.00	43.10	33.85%	3.98	6.18	1.15	34.60	2.15
HPG	47.15	62.40	46.75	-0.85%	14.74	31.30	2.85	11.53	3.17
NKG	23.15	26.40	31.35	35.42%	12.83	37.07	1.67	3.84	1.23
PET	21.80	29.30	19.50	-10.55%	2.56	9.65	1.53	10.59	1.03
PGV	18.30	24.70	18.30	0.00%	2.40	13.03	1.67	10.96	1.34
TPB	26.90	33.10	33.10	23.05%	1.95	24.13	3.40	8.69	1.90
TV2	59.70	87.70	42.30	-29.15%	8.70	21.64	5.82	8.07	1.59

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	49.00	25.00%	5.10%	18.47	19.71	5.94	7.99	1.54	
FOC	106.50	200.00%	18.78%	18.98	24.16	9.99	10.66	2.41	
GHC	29.50	27.00%	9.15%	7.85	18.68	4.14	7.12	1.48	
HLD	32.70	10.00%	3.06%	10.84	15.93	3.71	9.02	1.47	
LHG	49.20	15.00%	3.05%	6.23	13.09	3.66	7.28	1.87	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	70.70	75.00%	10.61%	35.81	39.64	7.49	8.65	4.02	
NT2	18.35	25.00%	13.62%	4.66	7.27	2.10	16.79	1.28	
RAL	172.50	50.00%	2.90%	9.77	35.22	29.23	5.43	1.74	
PPC	23.10	20.00%	8.66%	13.08	14.57	3.15	8.67	1.30	
VEA	39.00	35.00%	8.97%	18.35	21.41	4.17	9.36	2.07	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN – Index dao động phía dưới đường MA 10 và 20 cho thấy đà giảm vẫn đang tiếp diễn, tuy nhiên có thể sẽ chậm lại do đường giá đang tiệm cận vùng dưới của Bollinger Bands. Ngưỡng kháng cự tại 1,420 – 1,425, ngưỡng hỗ trợ tại 1,230 – 1,240.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	MSN	120.00	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 115.00 Chốt lời: 130.00



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VHM	108,000	1.31	1.269	3.04MLN
VIC	104,000	0.97	0.915	2.77MLN
TCB	50,300	1.62	0.759	18.60MLN
VRE	27,400	2.62	0.441	5.56MLN
SAB	156,800	1.16	0.312	110,500

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
THD	203,800	0.49	0.360	571,300
DXS	29,300	4.64	0.287	1.01MLN
KHG	23,500	9.81	0.151	828,200
DNP	21,000	7.69	0.124	11,300
L14	74,000	5.71	0.103	140,700

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VCB	99,000	-1.20	-1.204	1.46MLN
GAS	87,400	-1.80	-0.829	569,200
HPG	46,750	-1.16	-0.666	21.34MLN
GVR	30,200	-1.95	-0.649	2.46MLN
HDB	32,200	-3.59	-0.522	2.62MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	26,700	-1.48	-0.846	7.66MLN
BAB	21,800	-0.91	-0.175	90,100
HHC	76,500	-9.89	-0.104	600
HUT	7,300	-2.67	-0.070	683,500
NVB	17,200	-0.58	-0.056	2.01MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

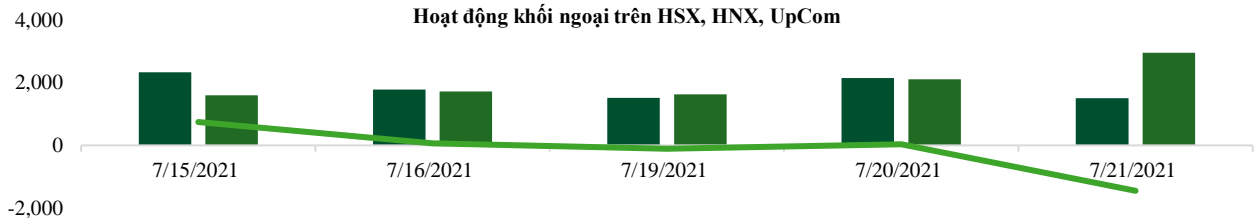
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
ADS	807.00	28,750	589,800	6.88
TDM	2,980.00	29,800	2,379,200	6.81
FIT	3,680.85	14,450	7,639,400	6.64
FRT	2,539.26	32,150	4,276,800	5.93
TNH	1,095.60	26,400	395,500	5.60

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
ITQ	112.06	4,700	521,600	9.30
HTP	2,442.01	26,600	174,000	6.40
L14	1,981.71	74,000	140,700	5.71
DL1	627.30	6,200	1,362,400	5.08
TVC	1,187.98	14,800	1,797,100	3.50

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q1.2020 (Tỷ VND)	LNST Q1.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VPG	43.75	667,900	0.33	138.49	41866.67%
2	VC3	18.60	152,800	0.38	13.95	3571.05%
3	HAX	18.80	173,400	3.15	55.56	1663.81%
4	SMC	39.50	656,400	14.48	215.62	1389.09%
5	TVC	14.80	1,797,100	9.45	123.34	1205.19%
6	NDN	22.60	250,700	3.75	48.13	1183.47%
7	VND	41.40	5,934,200	58.15	499.86	759.60%
8	NKG	31.35	3,616,300	41.49	318.79	668.35%
9	DXG	20.60	4,168,800	93.69	711.79	659.73%
10	SHS	39.40	3,283,600	46.57	270.81	481.51%



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VHM	108,000	85,205.50	8,537.78	76,667.72
VRE	27,400	94,472.79	36,478.98	57,993.82
HSG	35,800	45,913.58	13,624.32	32,289.26
HPG	46,750	146,177.93	114,471.13	31,706.81
VCB	99,000	95,103.35	70,916.62	24,186.73

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VIC	104,000	100,563.08	1,352,239.45	1,251,676.37
MSB	27,900	1,757.67	138,434.40	136,676.73
CTG	32,850	2,639.97	76,560.82	73,920.85
HDB	32,200	6,367.56	51,948.27	45,580.72
STB	27,850	19,538.75	53,709.58	34,170.83

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
DXS	29,300	8,498.34	889.37	7,608.97
THD	203,800	2,565.58	-	2,565.58
VND	41,400	5,023.62	4,005.31	1,018.31
VNR	21,000	463.39	-	463.39
BAX	67,500	396.81	-	396.81

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
BVS	26,500	18.55	1,411.68	1,393.13
NBC	11,600	17.25	857.28	840.03
DXP	13,400	-	315.27	315.27
VCS	115,300	453.05	721.80	268.75
SHB	26,700	-	237.29	237.29

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VTP	83,400	6,462.09	925.42	5,536.67
MCH	116,000	724.68	432.36	292.32
TCI	13,200	267.61	-	267.61
VAB	20,800	232.96	-	232.96
SAS	25,700	154.20	-	154.20

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VEA	39,000	15,600.00	26,933.41	11,333.41
QNS	42,700	15,144.71	17,640.35	2,495.64
ABI	53,000	788.01	2,438.95	1,650.94
ACV	73,000	2,420.78	3,442.97	1,022.19
NHT	33,600	-	93.91	93.91

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn